

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư phục vụ công tác SCTX năm 2025 (đợt 2) cho NMD Phú Mỹ 3.
- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư phục vụ công tác SCTX năm 2025 (đợt 2) cho NMD Phú Mỹ 3.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của EVN.
- Phạm vi công việc: Cung cấp vật tư phục vụ công tác SCTX năm 2025, bộ nguồn cho NMD Phú Mỹ 3 với số lượng như Mục 1.2 Chương V.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 85 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó, thời gian giao hàng và chứng từ kèm theo đạt yêu cầu là trong vòng 70 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bốc dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển và giao hàng tại Nhà máy điện Phú Mỹ 3, đường số 16, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP.HCM.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

Nhà thầu cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	Chuyển tín mực bao hơi Model: PDS300.F.S9.A.1.A.H.2.A.H-D1.BA.CF Range: -400 ÷ 400 mbar Lưu ý: Nameplate bằng tiếng Anh NSX: ABB Hoặc tương đương	Cái	06
2	Chuyển tín áp suất Model: 266GST.U.K.P.N.B.1-E2.L1.B7.C1 Range: -1 ÷ 30 bar Lưu ý: Nameplate bằng tiếng Anh NSX: ABB Hoặc tương đương	Cái	02
3	Chuyển tín áp suất Model: 266GST.R.K.P.N.B.1-E2.L1.B7.C1 Range: -1 ÷ 100 bar Lưu ý: Nameplate bằng tiếng Anh NSX: ABB Hoặc tương đương	Cái	02

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
4	Chuyển tín áp suất Model: 266GST.V.K.P.N.B.1-E2.L1.B7.C1 Range: -1 ÷ 600 bar Lưu ý: Nameplate bằng tiếng Anh NSX: ABB Hoặc tương đương	Cái	03
5	Chuyển tín nhiệt độ Moel: TTH300.Y0.H.BS-EM.GHE.Z2.C07 NSX: ABB Hoặc tương đương	Cái	06
6	Đầu dò nhiệt độ ATK Loại: thermocouple 3x type K Model: UQ0043 with cable and plug MTE Φ6/3 ungrounded triple with extension piece NSX: Ruster Hoặc tương đương	Cái	02
7	Ty van PN 4 sử dụng cho van cầu SW 1 inch 2500 SA105 Dwg No UHA-254339 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
8	Đĩa van PN 5 sử dụng cho van cầu SW 1 inch 2500 SA105 Dwg No UHA-254339 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
9	Van cầu SW 1 inch Class 2500 Dwg No UHA-254339 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
10	Ty van PN 4 sử dụng cho van cầu SW 1 inch 1500 Dwg No UHA-254340 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
11	Đĩa van PN 5 sử dụng cho van cầu SW 1 inch 1500 Dwg No UHA-254340 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
12	Van cầu SW 1 inch Class 1500 Dwg No UHA-254340 NSX: Samshin	Cái	03

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
	Hoặc tương đương		
13	Ty van PN4 sử dụng cho van cầu SW 1 inch 600 Dwg No UHA-254342 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	06
14	Đĩa van PN5 sử dụng cho van cầu SW 1 inch 600 Dwg No UHA-254342 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	06
15	Van cầu SW 1 inch 600 Dwg No UHA-254342 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	06
16	Đĩa van PN5 sử dụng cho van cầu size 1,5 inch Class 2500 Dwg No UHA-254339 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
17	Van cầu Size 1,5 inch Class 2500 Dwg No UHA-254339 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
18	Đĩa van PN5 sử dụng cho van cầu size 1,5 inch Class 600 Dwg No UHA-254342 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
19	Van cầu Size 1,5 inch Class 600 Dwg No UHA-254342 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
20	Đĩa van PN 5 sử dụng cho van cổng 3/4 inch Class 1500 Dwg No UHA-254336 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	06
21	Van cổng Size 3/4 inch Class 1500 Dwg No UHA-254336 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	06
22	Đĩa van	Cái	04

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
	PN 5 sử dụng cho van cổng 3/4 inch Class 600 Dwg No UHA-254337 NSX: Samshin Hoặc tương đương		
23	Van cổng Size 3/4 inch Class 600 Dwg No UHA-254337 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	04
24	Đĩa van PN 5 sử dụng cho van cổng 1,5 inch Class 1500 Dwg No UHA-254336 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
25	Van cổng Size 1,5 inch Class 1500 Dwg No UHA-254336 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
26	Đĩa van PN 5 sử dụng cho van cổng 1,5 inch Class 600 Dwg No UHA-254337 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
27	Van cổng Size 1,5 inch Class 600 Dwg No UHA-254337 NSX: Samshin Hoặc tương đương	Cái	03
28	Bộ chuyển đổi Bộ DC/DC converter: Điện áp vào: 220 VDC + 35%/-15% Dòng điện tiêu thụ trong điều kiện hoạt động bình thường: 8,1A Output: 26 VDC \pm 1% Output current: 65A \pm 2% Kích thước: 483 x 177 x 206mm NSX: AEG Hoặc tương đương	Bộ	02
29	Bộ nguồn DC/DC converter Type: P550/V278B Input: 220VDC Output: 24-26VDC/20A	Bộ	02

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
	NSX: Quel Hoặc tương đương		
30	Bo mạch điều khiển Control Card Regard master Order code: 4205702 NSX: Drager Hoặc tương đương	Cái	01

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Hàng hoá nêu trên là loại hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại hoặc tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ cần thiết, có bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh hàng do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư bao gồm các điểm sau:
 - + Chức năng của hàng hóa tương đương.
 - + Môi trường, điều kiện làm việc của hàng hóa tương đương.
 - + Thông số kỹ thuật đặc trưng của hàng hóa tương đương ví dụ như: điện áp, kích thước lắp đặt, vật liệu, tuổi thọ...
- Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương với loại hàng hóa đã nêu.

1.3. Các yêu cầu khác:

1.3.1. Yêu cầu về chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng hàng mới 100% theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà sản xuất.

1.3.2. Tính hợp lệ của hàng hoá:

- ❖ Về xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu chào hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xuất xứ được hiểu là Quốc gia (Nước) hoặc nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ. Trường hợp nhà thầu chào không có xuất xứ cụ thể E-HSDT của nhà thầu sẽ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.
- ❖ Về nhãn hiệu, hãng sản xuất: Trường hợp hàng hóa chào không nêu rõ nhãn hiệu hoặc hãng sản xuất thì hàng hóa đó không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 - Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

Tất cả hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do hãng sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng

từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức bao gồm:

- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất.
- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/xuất khẩu cấp nếu là hàng nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu “Copy” của cơ quan có thẩm quyền cấp).
- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất/Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ.
- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm, nếu là hàng nhập khẩu (bản photo không thể hiện giá trị hàng hóa, có thể hiện đầy đủ thông tin số tờ khai, có đóng dấu xác nhận của Nhà thầu).
- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có).
- Giấy bảo hành hàng hóa (bản gốc).

1.3.3. Bảo hành hàng hoá

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu.
- Địa điểm bảo hành: Nhà máy điện Phú Mỹ 3, Địa chỉ: Đường số 16, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục 2. Bản vẽ: Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm : Không áp dụng